

Số: 2788/QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành mức thu học phí năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐĐH ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tài chính của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-ĐHH ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế về việc Quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán giảng dạy nội bộ trong Đại học Huế từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc phương án học phí năm học 2022-2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 cho các hệ đào tạo như sau:.

I. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối với các khóa sinh viên tuyển sinh từ năm học 2021-2022 trở về trước

1.1. Đối với các khóa sinh viên hệ đại học chính quy và liên thông chính quy

a) Đối với các ngành: Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng hàm mặt và Dược sĩ:

2.450.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

b) Đối với ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền:

2.080.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

c) Đối với các ngành: Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học, Cử nhân Hộ sinh và Cử nhân Điều dưỡng:

1.850.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

d) Đối với ngành: Cử nhân Y tế công cộng:

1.700.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

1.2. Đối với các khóa sinh viên hệ Liên thông vừa làm vừa học

Đối với các ngành: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học và Cử nhân Điều dưỡng:

2.775.000 đồng/tháng x 6 tháng/năm học

2. Đối với khóa sinh viên mới tuyển sinh năm học 2022-2023

2.1. Đối với các khóa sinh viên hệ đại học chính quy và liên thông chính quy

a) Đối với các ngành: Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng hàm mặt và Dược sĩ:

2.600.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

b) Đối với ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền:

2.340.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

c) Đối với các ngành: Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học, Cử nhân Hộ sinh và Cử nhân Điều dưỡng:

2.080.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

d) Đối với ngành: Cử nhân Y tế công cộng:

1.900.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm học

2.2. Đối với các khóa sinh viên hệ Liên thông vừa làm vừa học

Đối với các ngành: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học, Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học và Cử nhân Điều dưỡng:

3.120.000 đồng/tháng x 6 tháng/năm học

3. Học phí tính theo tín chỉ, mô-đun

Từ các mức thu học phí trên, Nhà trường sẽ tiến hành quy đổi học phí tính theo tín chỉ, mô-đun.

Mức thu học phí của một tín chỉ, mô-đun được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học tương ứng với ngành, khoá tuyển sinh và tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí tín chỉ, mô-đun} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa}}$$

Tổng học phí toàn khóa = mức thu học phí 1 sinh viên/1 tháng X 10 tháng X số năm học, bảo đảm nguyên tắc tổng học phí theo tín chỉ của chương trình đào tạo tối đa bằng tổng học phí tính theo niên chế.

II. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

1. Đào tạo Thạc sĩ

Mức học phí bằng 1,5 lần mức học phí đào tạo đại học hệ chính quy tương ứng với từng ngành và khoá tuyển sinh tại khoản I, Điều 1 Quyết định này.

2. Đào tạo Tiến sĩ

Mức học phí bằng 2,5 lần mức học phí đào tạo đại học hệ chính quy tương ứng với từng ngành và khoá tuyển sinh tại khoản I, Điều 1 Quyết định này.

3. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I

- Đối với đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại Huế: mức học phí bằng mức học phí của đào tạo thạc sĩ tại khoản II.1.

- Đối với đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại ngoại tỉnh: tùy vào tình hình thực tế và thỏa thuận với người học, ngoài mức học phí như đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại Huế, Nhà trường còn thu thêm khoản kinh phí để thanh toán cho chi phí giảng dạy thực hành tại ngoại tỉnh đảm bảo không vượt mức trần học phí của đào tạo thạc sĩ tại khoản 3, điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

4. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II

- Đối với đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại Huế: mức học phí bằng mức học phí của đào tạo tiến sĩ tại khoản II.1.

- Đối với đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại ngoại tỉnh: tùy vào tình hình thực tế và thỏa thuận với người học, ngoài mức học phí như đào tạo thực hành tại các cơ sở thực hành tại Huế, Nhà trường còn thu thêm khoản kinh phí để thanh toán cho chi phí giảng dạy thực hành tại ngoại tỉnh đảm bảo không vượt mức trần học phí của đào tạo tiến sĩ tại khoản 3, điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2022-2023.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng: Tổ chức, Hành chính, Thanh tra và Pháp chế; Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Đào tạo Đại học; Đào tạo Sau đại học; sinh viên và học viên các lớp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTC&CSVC.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy